

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **283/2017/DS-PT**

Ngày: 16/11/2017

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thế Xương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Kim Tư

Ông Huỳnh Ngọc Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Nguyễn Yên Phương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà
Võ Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 241/2017/TLPT-DS ngày 19 tháng 10 năm 2017 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 53/2017/DS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện M bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 664/2017/QĐPT-DS ngày 30 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị H, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn Út T, sinh năm 1970 (có mặt)

Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1976

Cùng địa chỉ: ấp T, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre

Bà M ủy quyền cho ông T tham gia tố tụng (theo văn bản ủy quyền ngày 15/11/2017).

3. Người kháng cáo: Ông Phạm Văn Út T – bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các biên bản hòa giải, biên bản đối chất và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Võ Thị H trình bày:

Từ ngày 19/4/2016 đến 19/11/2016 giữa chị H và ông T, bà M có thỏa thuận miệng mua thức ăn chăn nuôi heo của chị H tổng cộng 106.481.000 đồng. Ông T, bà M đã trả 02 lần, cụ thể:

- Lần 1: ngày 20/10/2016 trả số tiền 45.000.000 đồng
- Lần 2: ngày 19/11/2016 trả số tiền 15.000.000 đồng

Qua 2 lần trả, ông T, bà M còn thiếu chị H số tiền (106.481.000 đồng - 45.000.000 đồng - 15.000.000 đồng) = 46.481.000 đồng

Ngày 28/5/2016 ông T, bà M có trả số tiền 45.000.000 đồng nhưng đã trừ vào số tiền mua bán thức ăn trước (19/4/2016) và chị đã gạch ngang số tiền, còn gạch chéo là do bà M tự gạch.

Chị H cho rằng nếu ông T, bà M trả tiền thức ăn sớm thì mới tính hoa hồng 8.000 đồng/bao. Nhưng do ông T chậm trả nên chị H không đồng ý trừ hoa hồng cho ông Tài.

Theo biên bản hòa giải, biên bản đối chất và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phạm Văn Út T trình bày:

Ông thừa nhận từ ngày 19/4/2016 đến 19/11/2016, ông và bà M có mua thức ăn chăn nuôi heo của chị H với số tiền tổng cộng 106.481.000 đồng. nhưng ông T, bà M đã trả 3 lần, cụ thể:

- Lần 1: ngày 28/5/2016 trả số tiền 45.000.000 đồng
- Lần 2: ngày 20/10/2016 trả số tiền 45.000.000 đồng
- Lần 3: ngày 19/11/2016 trả số tiền 15.000.000 đồng

Ông T thừa nhận lần gạch chéo ngày 28/5/2016 (ông T, bà M có trả số tiền 45.000.000 đồng) là do bà M gạch.

Nay ông T yêu cầu chị H trừ tiền hoa hồng 8.000 đồng/bao từ ngày 19/4/2016 đến 13/11/2016.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện M đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 53/2017/DS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện M đã quyết định:

Áp dụng Điều 428 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 430 Bộ luật Dân sự 2015 Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị H. Buộc ông Phạm Văn Út T và bà Nguyễn Thị M liên đới trả cho chị Võ Thị H số tiền 46.481.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, nếu số tiền trên chưa được thi hành thì người phải thi hành án còn phải chịu lãi chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 cho đến khi thi hành xong.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự. Ngày 06/9/2017, ông Phạm Văn Út T kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Người kháng cáo trình bày:

Ông T cho rằng từ ngày 19/4/2016 đến 19/11/2016, ông và bà M có mua bán thức ăn với chị H. Tại Tòa án cấp sơ thẩm, ông thừa nhận số tiền nợ như phía chị H tổng kết là 106.481.000 đồng, nhưng ông cho rằng ông đã trả 3 lần với tổng số tiền 105.000.000 đồng, chỉ còn nợ lại khoảng hơn 1.000.000 đồng. Do đó, ông không đồng ý theo yêu cầu của chị H.

Nguyên đơn trình bày:

Chị H không thừa nhận việc ông T, bà M cho rằng đã trả nợ cho chị là 105.000.000 đồng. Vì vậy, chị yêu cầu Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay có cơ sở xác định số tiền 45.000.000 đồng trả ngày 28/5/2016 đã được trừ vào số nợ trước đây. Ông T nói trả thừa 30.000.000 đồng là không hợp lý. Lời trình bày của chị H là phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự bác kháng cáo của ông Phạm Văn Út T, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của ông Phạm Văn Út T thấy rằng:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền thức ăn còn thiếu là 46.481.000 đồng. Tuy hợp đồng mua bán thức ăn giữa hai bên chỉ bằng lời nói nhưng cả bên đều thừa nhận việc này. Hợp đồng mua bán thức ăn giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử công nhận.

Đối với 2 lần trả tiền vào ngày 20/10/2016 và 19/11/2016, cả hai bên đều thống nhất là ông T và bà M đã trả cho chị H số tiền (45.000.000 đồng + 15.000.000 đồng) = 60.000.000 đồng.

Lần trả tiền vào ngày 28/5/2016 nhận thấy: Theo sổ mua bán thức ăn giữa chị H và ông T, bà M do phía ông T cung cấp thể hiện ngày 28/5/2016 ông T, bà M có trả chị H số tiền 45.000.000 đồng; mặc dù trong giai đoạn này ông bà chỉ nợ chị H khoảng 15.000.000 đồng và ông bà cũng cho rằng số tiền đưa thừa là tiền ứng trước. Tuy nhiên, chị H cho rằng số tiền này chị đã trừ vào số tiền mua

bán thức ăn trước (19/4/2016) khi tính tiền cộng sổ nên chị đã gạch ngang số tiền này, còn gạch chéo là do bà M tự gạch. Tại biên bản đối chất ngày 11/7/2017 (BL 37) chính ông T cũng thừa nhận lần gạch chéo trong sổ mua bán thức ăn thể hiện ngày 28/5/2016 ông T, bà M có trả chị H số tiền 45.000.000 đồng là do bà M tự gạch. Như vậy, có cơ sở xác định số tiền 45.000.000 đồng mà ông T, bà M trả cho chị H vào ngày 28/5/2016 đã được trừ vào số tiền mua bán thức ăn lần trước. Do đó, ông T, bà M vẫn còn nợ tiền thức ăn của chị H. Chị H cũng cho rằng từ trước đến nay chưa có lần nào phía ông T, bà M có đưa trước mà tất cả các lần kết toán giữa hai bên phía ông T, bà M đều nợ và chậm trả. Vì vậy, chị H khởi kiện ông T, bà M phải trả số tiền thức ăn còn thiếu là có căn cứ.

[2] Xét yêu cầu của ông T về việc yêu cầu chị H trừ tiền hoa hồng 8.000 đồng/bao từ ngày 19/4/2016 đến 13/11/2016 nhận thấy: Từ ngày 19/4/2016 đến 13/11/2016 ông T, bà M đã mua của chị H tổng cộng 375 bao thức ăn. Tuy nhiên, phía chị H không thừa nhận có thỏa thuận trong hợp đồng về tiền hoa hồng và cũng không có chứng cứ chứng minh là hợp đồng có thỏa thuận hoa hồng. Do đó, yêu cầu của ông T là không có cơ sở.

Từ những phân tích trên xét thấy nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ, đúng quy định pháp luật, ông Phạm Văn Út T kháng cáo là không có cơ sở nên bác kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về án phí phúc thẩm, do kháng cáo của ông T không được chấp nhận nên ông T phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 428 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 430 Bộ luật Dân sự 2015 Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016:

Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn Út T, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 53/2017/DS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện M. Cụ thể tuyên:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị H. Buộc ông Phạm Văn Út T và bà Nguyễn Thị M liên đới trả cho chị Võ Thị H số tiền 46.481.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, nếu số tiền trên chưa được thi hành thì người phải thi hành án còn phải chịu lãi chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 cho đến khi thi hành xong.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: ông Phạm Văn Út T và bà Nguyễn Thị M phải liên đới chịu 2.324.000 đồng.

Hoàn trả cho chị Võ Thị H số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 1.500.000 đồng theo biên lai thu số 0007704 ngày 17/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

Án phí dân sự phúc thẩm: ông Phạm Văn Út T phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011598 ngày 06/9/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND huyện M;
- VKSND tỉnh;
- CCTHADS huyện M;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thế Xương